

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu¹ không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy. Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

¹ Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ khoản này.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT)

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng phương pháp Đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên yêu cầu về các sản phẩm đầu ra được nêu tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT, Chủ đầu tư phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ;
- Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc;
- Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ;
- Mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ;
- Tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT;
- Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động (nếu có);
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì (nếu có);
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có): các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) như: việc sử dụng các vật tư, vật liệu; biện pháp tổ chức thi công; dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;
- Trường hợp cần yêu cầu về xuất xứ vật tư, vật liệu, nguyên liệu phục vụ cho gói thầu dịch vụ phi tư vấn thì Chủ đầu tư quy định xuất xứ của vật tư, vật liệu, nguyên liệu theo nhóm nước, vùng lãnh thổ quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Đấu thầu. Nhà thầu phải chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Chủ đầu tư yêu cầu không có Việt Nam; nhà thầu chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu không có xuất xứ theo yêu cầu của E-HSMT hoặc không phải xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại. Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu xuất xứ Việt Nam theo quy định

tại điểm e khoản 3 Điều 10 của Luật Đấu thầu thì nhà thầu chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu không phải là xuất xứ Việt Nam sẽ bị loại;
- Các yếu tố cần thiết khác.

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

TT	Nội dung đánh giá	Mức yêu cầu đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	A. Năng Lực nhà thầu	Nhà thầu đáp ứng tối thiểu 70% tổng số điểm tại mục A Bảng chi tiết các nội dung đánh giá kỹ thuật thì được đánh giá là đạt	Nhà thầu đáp ứng dưới 70% tổng số điểm tại mục A Bảng chi tiết các nội dung đánh giá kỹ thuật thì được đánh giá là không đạt
2	B. Yêu cầu về gói thầu	Nhà thầu đáp ứng tối thiểu 70% tổng số điểm và các tiêu chí cơ bản có yêu cầu tối thiểu nhà thầu phải đáp ứng tại mục B Bảng chi tiết các nội dung đánh giá kỹ thuật thì được đánh giá là Đạt	Nhà thầu đáp ứng dưới 70% tổng số điểm và không đáp ứng một trong các tiêu chí cơ bản có yêu cầu tối thiểu nhà thầu phải đáp ứng tại mục B Bảng chi tiết các nội dung đánh giá kỹ thuật thì được đánh giá là không đạt
3	C. Phạm vi, điều kiện bảo hiểm cho gói thầu	Nhà thầu đáp ứng tối thiểu 70% tổng số điểm và các tiêu chí cơ bản có yêu cầu tối thiểu nhà thầu phải đáp ứng tại mục C Bảng chi tiết các nội dung đánh giá kỹ thuật thì được đánh giá là Đạt	Nhà thầu đáp ứng dưới 70% tổng số điểm và không đáp ứng một trong các tiêu chí cơ bản có yêu cầu tối thiểu nhà thầu phải đáp ứng tại mục C Bảng chi tiết các nội dung đánh giá kỹ thuật thì được đánh giá là không đạt
Kết luận		E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi cả 3 tiêu chí tổng quát A,B,C được đánh giá là Đạt	

BẢNG CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT

TT	Nội dung đánh giá	Mức điểm đánh giá
A	NĂNG LỰC NHÀ THẦU <i>Trường hợp liên danh: Tính bằng tổng năng lực của các thành viên trong liên danh theo phần đảm nhận công việc gói thầu</i>	20
1	Vốn điều lệ (VĐL) tại thời điểm 31/12/2025.	5
1.1	VĐL < 400 tỷ đồng	0
1.2	400 tỷ đồng ≤ VĐL < 800 tỷ đồng	1
1.3	800 tỷ đồng ≤ VĐL < 1.300 tỷ đồng	2
1.4	1.300 tỷ đồng ≤ VĐL	5
2	Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm từng năm trong 03 năm 2023,2024,2025	5
2.1	Cả 3 năm lợi nhuận ≤ 0	0
2.2	Có 1 năm lợi nhuận ≥ 0	1
2.3	Có 2 năm lợi nhuận ≥ 0	2
2.4	Cả 3 năm lợi nhuận ≥ 0	5
3	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán tại thời điểm 31/12/2025 (Tỷ lệ biên khả năng thanh toán = Biên khả năng thanh toán/biên khả năng thanh toán tối thiểu)	5
3.1	Dưới 100%	0
3.2	Từ 100% đến dưới 150%	1
3.3	Từ 150% đến dưới 200%	2
3.4	Từ 200% trở lên	5
4	Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân trong 03 năm 2023,2024,2025 (ROE)	5
4.1	Dưới 5%	0
4.2	Từ 5% đến dưới 10%	1
4.3	Từ 10% đến dưới 15%	2
4.4	Từ 15% trở lên	5
B	YÊU CẦU VỀ GÓI THẦU	40
1 (*)	Quy trình tổ chức thực hiện bảo hiểm cho gói thầu: - Quy trình tổ chức thực hiện bảo hiểm cho gói thầu rõ ràng, phù hợp với yêu cầu của gói thầu, có Sơ đồ thể hiện quy trình, Sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các bên có liên quan: Bên mua bảo hiểm - Công ty môi giới bảo hiểm - Công ty bảo hiểm - Người được bảo hiểm; - Thuyết minh sơ đồ thể hiện quy trình và sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các bên có liên quan; Tổ chức triển khai hướng dẫn người được bảo hiểm các quyền lợi được bảo hiểm, điều kiện, điều khoản bảo hiểm; - Bản chào phí bảo hiểm; Dự thảo hợp đồng bảo hiểm; Quy trình gia hạn hiệu lực bảo hiểm; Phí bảo hiểm bổ sung trong thời gian gia hạn. Cam kết mức phí bảo	15

	hiểm bổ sung trong thời gian gia hạn không được vượt quá mức phí theo hợp đồng đã giao kết - Quy trình tăng/giảm số lượng người tham gia bảo hiểm. Phí bảo hiểm tăng/giảm	
1.1	Không đáp ứng đầy đủ các nội dung theo yêu cầu	0
1.2	Đáp ứng đầy đủ các nội dung theo yêu cầu	15
2	Quy trình tổ chức về giải quyết bồi thường cho gói thầu: Quy trình tổ chức (gồm sơ đồ) về giải quyết bồi thường (thể hiện mối quan hệ giữa người mua bảo hiểm - Công ty bảo hiểm - Bộ phận bồi thường - Người nhận được tiền bồi thường; tài liệu chứng từ đòi bồi thường; thời gian tối đa từng giai đoạn).	10
2.1	Không đáp ứng đầy đủ các nội dung theo yêu cầu	0
2.2	Đáp ứng đầy đủ các nội dung theo yêu cầu	10
3 (*)	Thời gian thanh toán bồi thường: Thời gian thanh toán bồi thường trả tiền bảo hiểm kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ về yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm	5
4.1	> 15 ngày	0
4.2	≤ 15 ngày	5
4 (*)	Thời gian chờ	5
5.1	Nhà thầu không đề xuất hoặc đề xuất Thời gian chờ nhưng không đáp ứng yêu cầu chương V E-HSMT	0
5.2	Nhà thầu đề xuất Thời gian chờ đáp ứng yêu cầu chương V E-HSMT	5
5 (*)	Thời hạn bảo hiểm	5
6.1	Không đề xuất hoặc đề xuất không đúng thời gian yêu cầu tại chương V Yêu cầu kỹ thuật	0
6.2	Đề xuất thời gian yêu cầu theo quy định tại chương V Yêu cầu kỹ thuật	5
C	PHẠM VI, ĐIỀU KIỆN BẢO HIỂM CHO GÓI THẦU	40
1 (*)	Chương trình bảo hiểm (gồm phạm vi bảo hiểm/quyền lợi bảo hiểm, thời gian chờ và các điều kiện) theo mục 3 Chương V E-HSMT.	20
1.1	Không đáp ứng đầy đủ các nội dung theo yêu cầu	0
1.2	Đáp ứng đầy đủ các nội dung theo yêu cầu	20
2 (*)	Số tiền bảo hiểm, hạn mức trách nhiệm.	10
2.1	Nhà thầu đề xuất số tiền bảo hiểm, hạn mức trách nhiệm thấp hơn so với quy định tại mục 3 Chương V E-HSMT	0
2.2	Số tiền bảo hiểm, hạn mức trách nhiệm Đáp ứng tối thiểu theo quy định tại mục 3 Chương V E-HSMT	10

3	Các điều kiện, điều khoản tốt hơn, ưu đãi hơn (phải có bảng so sánh kèm theo)	10
3.1	Số tiền bảo hiểm tăng so với yêu cầu (mỗi phạm vi bảo hiểm tăng tính 01 điểm, tối đa không quá 05 điểm). Số tiền bảo hiểm giảm so với yêu cầu (mỗi phạm vi bảo hiểm giảm trừ 01 điểm).	5
3.2	Thêm loại chi phí được bồi thường (mỗi phạm vi bảo hiểm mở rộng hơn tính 01 điểm, tối đa không quá 05 điểm). Thiếu loại chi phí được bồi thường (mỗi phạm vi bảo hiểm thu hẹp trừ 01 điểm).	5

Ghi chú: (*) là các tiêu chí cơ bản yêu cầu tối thiểu nhà thầu phải đáp ứng. Trường hợp nhà thầu không đáp ứng các tiêu chí cơ bản yêu cầu tối thiểu thì E-HSDT của nhà thầu được đánh giá không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và bị loại.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT: Không áp dụng

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập: Không áp dụng